

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2026/HS-PT

Ngày: 20/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hà Ngân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Nguyễn Thế Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2026/TLPT-HS ngày 19 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo [Nguyễn Thị H](#) do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 10-12-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

Bị cáo kháng cáo: [Nguyễn Thị H](#), sinh năm 1964; tại Hà Tĩnh; nơi cư trú: [Số nhà F, khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ](#); nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Nguyễn Văn H1](#) và bà [Trần Thị N](#) (đều đã chết); có chồng là anh [Hoàng Hoa T](#), sinh năm 1958 (đã ly hôn) và có 02 con, (con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 03/7/2025, hiện đang bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - [Công an tỉnh L](#) – bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Thị H](#):

- Ông [Đỗ Mạnh T1](#) - Luật sư của [Công ty TNHH S1.20](#) thuộc [Đoàn Luật sư tỉnh L](#); địa chỉ: [Số nhà B, đường Q, tổ dân phố B N, phường N, tỉnh Lâm Đồng](#) – vắng mặt.

- Ông [Nguyễn Trọng H2](#) và ông [Hoàng Trọng P](#) - Luật sư của [Công ty Luật TNHH Chính Pháp Đồng Tâm](#) thuộc [Đoàn sư thành phố H](#); địa chỉ: [Số G, phố K, phường C, thành phố Hà Nội](#) – vắng mặt.

Bị hại: [Công ty TNHH MTV C](#), địa chỉ: [K, xã Q, tỉnh Lâm Đồng](#).

Đại diện theo pháp luật: Ông [Hò Văn V](#) - Chức vụ: Quyền Chủ tịch kiêm Giám đốc [Công ty TNHH MTV C](#) - vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông [Hò Văn S](#), sinh năm 1962, địa chỉ: [Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk](#) - vắng mặt.

- Ông [Nguyễn Tiến L](#), sinh năm 1964, địa chỉ: [Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk](#) - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[Công ty C](#) (năm 2010 được chuyển đổi thành [Công ty TNHH MTV C](#)) là doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 547/TCT-TCCB/QĐ ngày 19/5/2005 của Hội đồng quản trị [Tổng Công ty C1](#). Trong thời gian từ năm 2005 đến năm 2014, [Hò Văn S](#) là Giám đốc và [Nguyễn Tiến L](#) là kế toán trưởng [Công ty C](#).

Khoảng cuối năm 2007 và đầu năm 2008, thấy giá xăng dầu thường xuyên biến động tăng, giảm nên [Hò Văn S](#) và [Nguyễn Tiến L](#) quyết định sử dụng nguồn vốn của [Công ty C](#) để đầu tư mua xăng dầu, ký gửi tại kho chờ lên giá rồi bán lại để kiếm lời. Thông qua quan hệ xã hội, [L](#) quen biết [Nguyễn Thị H](#) là chủ [Doanh nghiệp tư nhân H3](#) (viết tắt [H3](#)) là đơn vị kinh doanh xăng dầu. Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng.

Ngày 09/01/2008, [Hò Văn S](#) đại diện cho [Công ty C](#) và [Nguyễn Thị H](#) đại diện [H3](#) ký hợp đồng số 01/2008-HĐMB-XD với nội dung: [Công ty C](#) mua của [H3](#) khối lượng 155.000 lít xăng A92 và 297.079 lít dầu Diezen, tổng giá trị là: 4.999.999.999 đồng. Ngày 11/01/2008, [S](#) ký uỷ nhiệm chi số 34 chuyển từ tài khoản số 421101010016 của [Công ty C](#) mở tại [Ngân hàng A](#) - Đắk Nông đến tài khoản số 4002757001 của [H3](#) mở tại [Ngân hàng I](#) - TP Cần Thơ toàn bộ số tiền 4.999.999.999 đồng để thanh toán theo hợp đồng số 01/2008-HĐMB-XD.

Nhận đủ tiền, [Nguyễn Thị H](#) xuất 03 hóa đơn GTGT của [H3](#) thể hiện xuất cho [Công ty C](#) khối lượng 158.000 lít xăng A92 và 279.000 lít dầu DieZen với tổng giá trị 4.856.100.000 đồng, cụ thể: Ngày 13/01/2008: Xuất hóa đơn GTGT số 0065433 để bán 80.000 lít xăng A92 và 200.000 lít dầu DieZen, thành tiền là: 3.052.000.000 đồng; Ngày 19/01/2008: Xuất hóa đơn GTGT số 653656 để bán 79.000 lít dầu DieZen, thành tiền là: 797.900.000 đồng; Ngày 15/02/2008: Xuất hóa đơn GTGT số 53696 để bán 78.000 lít xăng A92, thành tiền là: 1.006.200.000 đồng. Sau khi nhận được 03 hóa đơn GTGT, [Nguyễn Tiến L](#) soạn thảo các hợp đồng gửi giữ hàng hoá tại kho số 02.01/2008 HĐGK ngày 13/01/2008, số 02.02/2008 HĐGK ngày 19/01/2008 và số 02.03/2008 ngày 15/02/2008 về việc gửi toàn bộ số lượng xăng dầu theo 03 hóa đơn GTGT trên tại [kho H3](#), trong đó có quy định “*thời gian gửi giữ từ ngày 13/01/2008 cho đến hết ngày 09/4/2008. Trong thời gian gửi giữ bên A (tức [H3](#)) không được tự ý bán số xăng, dầu bên B (tức Công ty, phê Đắc Nông) gửi nếu như bên B không yêu cầu..Nếu bên B có nhu cầu bán lại số xăng dầu đã gửi thì Bên B sẽ yêu cầu Bên A xuất bán dùm, và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B...*”. Ngày 16/02/2008, [S](#) và [H](#) ký biên bản về việc thanh lý hợp đồng số 01/2008-HĐMB-XD thể hiện [H3](#) sẽ trả lại số tiền [Công ty C](#) đã thanh toán dư là 143.899.999 đồng (số tiền chuyển khoản là 4.999.999.999 đồng, tổng số tiền trên hoá đơn là 4.856.100.000 đồng).

Trong thời gian trên, [Nguyễn Thị H](#) làm ăn thua lỗ và thâm hụt tài chính nên đã tự ý bán dần xăng dầu của [Công ty C](#). Ngày 20/02/2008, [Hò Văn S](#) và [Nguyễn Tiến L](#) đến [H3](#) để kiểm tra lượng xăng dầu mà [Công ty C](#) gửi tại kho, nhưng do tin tưởng [H](#) nên [S](#) và [L](#) không tiến hành các biện pháp kiểm tra thực tế, mà vẫn ký biên bản ghi nhận toàn bộ số lượng xăng dầu của [Công ty C](#) còn đủ tại kho [H3](#).

Để hợp thức việc [Nguyễn Thị H](#) đã bán xăng dầu trước đó, khi không được sự cho phép của [Công ty C](#), [H](#) đề nghị với [Hò Văn S](#) và [Nguyễn Tiến L](#) để [H](#) bán số xăng dầu này [doanh nghiệp tư nhân V1](#) (viết tắt [V1](#)), địa chỉ kinh doanh tại [xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang](#) do ông [Nguyễn Văn H1](#) (là bố đẻ của [H](#)) làm chủ và [V1](#) cũng là đại lý bán lẻ xăng dầu của [H3](#), nên [H](#) sẽ làm đại diện cho [V1](#) để ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu với [Công ty C](#). Tuy nhiên, [V1](#) là do [H](#) đứng ra thành lập và đã được bán lại cho ông [Phạm Ngọc Q](#) (sinh năm 1975, trú tại [xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang](#)) từ tháng 6/2006. [H](#) không nói cho [S](#) và [L](#) biết đã bán DNTN Văn Hiến.

Ngày 20/02/2008, [Hò Văn S](#) và [Nguyễn Thị H](#) ký hợp đồng số 01/2008 HĐMB-XD nội dung thể hiện: [Công ty C](#) cho phép [H3](#) bán số lượng 41.721 lít xăng A92 và 130.486 lít dầu Diezen, với tổng số tiền là 1.888.108.180 đồng cho [V1](#). Ngày 23/02/2008, [Công ty C](#) xuất hóa đơn GTGT số 22002 bán cho DNTN Văn Hiến số lượng 41.721 lít xăng A92 và 130.486 lít dầu Diezen với tổng giá trị 1.888.108.180 đồng theo hợp đồng trên. Ngày 28/02/2008, [S](#) và [H](#) tiếp tục ký hợp đồng số 02/2008

HĐMB-XD nội dung thể hiện [Công ty C](#) đồng ý cho [H3](#) bán khối lượng 148.514 lít dầu Diezen với tổng giá trị 2.004.939.000 đồng cho [V1](#), sau đó [Công ty C](#) xuất hóa đơn GTGT số 022003 để bán số lượng 148.514 lít dầu Diezen với giá trị 2.004.939.000 đồng cho [V1](#). Việc mua bán này chỉ diễn ra về hình thức, không có việc giao nhận hàng hóa. Lúc này, [H](#) đại diện [H3](#) lập bản cam kết số 15/DN/BCK về việc trên cơ sở hợp đồng kinh tế 01/2008 HĐMB-XD, 02/2008 HĐ-XD và mối quan hệ gia đình giữa [H3](#) với [V1](#) thì [H3](#) cam kết chịu trách nhiệm thanh toán số tiền theo hợp đồng thay cho [V1](#). Đối với 116.279 lít xăng A92 còn lại, [S](#) tiếp tục ký gửi tại kho của [H3](#) theo hợp đồng số 03/2008 ngày 28/02/2008. Sau khi ký kết các hợp đồng nêu trên, [H](#) tiếp tục tự ý bán tiếp toàn bộ số lượng xăng dầu còn lại trong kho của doanh nghiệp, bao gồm cả lượng hàng mà [S](#) và [L](#) đã gửi kho, để lấy tiền. Ngày 02/3/2008, [H](#) trả cho [Công ty C](#) được số tiền 37.000.000 đồng.

Ngày 17/3/2008, [Hò Văn S](#) và [Nguyễn Tiến L](#) xuống kiểm tra 116.279 lít xăng A92 còn lại gửi tại [kho H3](#) thì phát hiện lượng xăng này không còn. Khi này, [Nguyễn Thị H](#) cho biết do thiếu hụt vốn nên đã tự ý bán trước thời điểm tháng 03/2008 (*Thực tế, trong thời gian cuối tháng 02/2008 và đầu tháng 3/2008, H đã bán hết lượng xăng dầu mà Công ty C gửi kho*). Do đó, [S](#), [L](#) và [H](#) cùng lập biên bản với nội dung [H](#) cam kết đến ngày 31/03/2008 sẽ thanh toán đủ số nợ gốc và có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả số lượng 116.279 lít xăng A92 cho [Công ty C](#) chậm nhất là vào ngày 31/5/2008. Sau khi cam kết, ngày 18/3/2008, [H](#) chuyển khoản trả số tiền 500.000.000 đồng, ngày 24/3/2008, chuyển khoản trả số tiền 500.000.000 đồng và ngày 13/6/2008, [H](#) trả tiền mặt số tiền 100.000.000 đồng cho [Công ty C](#).

Do không thực hiện đầy đủ theo cam kết, ngày 04/3/2009, [Công ty C](#) khởi kiện [H3](#) ra Tòa án nhân dân quận Ô Môn, TP Cần Thơ. Vụ án đã được Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm (Bản án số 01/2009/KDTM-ST ngày 02/6/2009) và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm (Bản án số 01/2009/KDTM-PT ngày 18/8/2009), buộc DNTN [Hoàng Hương T2](#) phải trả cho [Công ty C](#) tổng cả gốc và lãi số tiền là: 5.334.467.809 đồng. Quá trình thi hành án, Cơ quan Thi hành [án dân sự quận Ô](#), thành phố Cần Thơ thu hồi cho [Công ty C](#) số tiền 1.009.899.882 đồng. Ngày 31/12/2014, Cơ quan Thi hành án dân sự [quận Ô, thành phố Cần Thơ](#) có Quyết định số 35/QĐCCTHA về việc trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho [Công ty C](#) vì lý do [Nguyễn Thị H](#) không còn tài sản để thi hành án và số tiền gốc chưa thu hồi được là 2.853.100.117 đồng. Đến ngày 08/11/2019, [Nguyễn Thị H](#) và con trai là [Hoàng T3](#) đã trả hết số tiền 2.853.100.117 đồng cho [Công ty C](#).

Đối với hành vi vi phạm pháp luật nêu trên của [Hò Văn S](#) và [Nguyễn Tiến L](#), năm 2014, các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắc Nông tiến hành điều tra, truy tố và Tòa án tiến hành xét xử [Hò Văn S](#) và [Nguyễn Tiến L](#) phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm

1999 (Bản án sơ thẩm số 70/2015/HSST ngày 12/11/2015). Cả hai bị cáo kháng cáo kêu oan. Ngày 19/4/2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại [phố C](#) đã xét xử phúc thẩm (Bản án phúc thẩm số 162/2016/HS-PT) và nhận định “*Trong vụ án này còn có bà [Nguyễn Thị H](#) là chủ DNTN [Hoàng Hương T2](#) là người trực tiếp bán xăng, dầu cho Công ty nhưng không giao hàng cũng như trả lại tiền và chiếm dụng số tiền cho đến nay chưa thanh toán cho Công ty. Nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ bà [H](#) có hay không có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của Công ty*” nên đã quyết định hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông để điều tra, xét xử lại.

Quá trình điều tra, truy tố lại, các Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Nông nhận thấy hành vi của [Nguyễn Thị H](#) có dấu hiệu phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" nhưng thời hạn điều tra không còn nên Cơ quan sát điều tra [Công an tỉnh Đ](#) đã Kiến nghị gửi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hủy 02 bản án kinh doanh thương mại nêu trên để xử lý [Nguyễn Thị H](#) bằng một vụ án khác. Ngày 28/8/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị tái thẩm đề nghị Ủy ban phán Tòa án nhân dân cấp cao tại [phố H](#) xét xử tái thẩm, hủy án kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm của Tòa án nhân [quận Ô](#) và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Ngày 20/12/2017, Ủy ban phán Tòa án nhân dân cấp cao tại [phố H](#) xét xử, hủy án Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên, giao vụ án lại cho Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử lại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và vụ án dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" giữa [Công ty C](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) được đình chỉ giải quyết ngày 02/6/2020.

Ngày 15/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tiếp tục xét xử [Hò Văn S](#) và [Nguyễn Tiến L](#) về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*", quy định tại khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999 (Bản án sơ thẩm số 06/2017/HSST). Cả hai bị cáo tiếp tục kháng cáo kêu oan. Ngày 01/10/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại [phố H](#) xét xử phúc thẩm vụ án này (Bản án phúc thẩm số 583/2019/HS-PT) và nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo [Hò Văn S](#) và [Nguyễn Tiến L](#) về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*" quy định tại khoản 2 Điều 285 BLHS 1999 là có căn cứ pháp luật, không oan sai. Đồng thời xác định trong vụ án còn có [Nguyễn Thị H](#) "*có hành vi lợi dụng việc thiếu quản lý, giám sát kiểm tra của Công ty C trong việc mua bán và gửi giữ xăng dầu đã bán số xăng dầu gửi giữ được, sau đó để hợp thức hoá giấy tờ bà [H](#) đã dùng hình thức bán số xăng dầu cho [V1](#) để hợp thức số xăng dầu đã bán, đồng thời bán hết số xăng dầu còn lại mà Công ty C gửi giữ mà không được sự đồng ý và không trả tiền lại cho Công ty là có dấu hiệu phạm tội hình sự*", nên đã tuyên hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HSST ngày 15/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông để điều tra, xét xử lại.

Quá trình tiếp tục điều tra lại, Cơ quan sát điều tra [Công an tỉnh Đ](#) xác định hành vi của [Nguyễn Thị H](#) phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" nên đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố [Nguyễn Thị H](#) về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do bị can [H](#) không có mặt tại nơi cư trú, không rõ đang ở đâu nên ra Quyết định truy nã đối với bị can [H](#). Hết thời hạn điều tra chưa xác định bị can đang ở đâu nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can [Nguyễn Thị H](#) và tiếp tục đề nghị truy tố [Hồ Văn S](#) và [Nguyễn Tiến L](#) về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*" theo quy định tại khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 18/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm đối với vụ án này (Bản án sơ thẩm số 16/2021/HSST ngày 18/3/2021). Các bị cáo tiếp tục kháng cáo kêu oan. Ngày 21/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại [phố H](#), xét xử phúc thẩm bị cáo [Hồ Văn S](#) và [Nguyễn Tiến L](#) phạm tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*" theo quy định tại khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999 (Bản án số 220/2022/HS-PT). Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 03/7/2025, Cơ quan sát điều tra [Công an tỉnh L](#), bắt truy nã đối với [Nguyễn Thị H](#). Ngày 06/7/2025, Cơ quan sát điều tra [Công an tỉnh L](#) ban hành Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự số B737 và Quyết định phục hồi điều tra bị can số B736 ngày 06/7/2025, đối với bị can [Nguyễn Thị H](#).

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật: Quá trình điều tra Cơ quan sát điều tra [Công an tỉnh L](#) đã thu giữ 03 điện thoại di động của [Nguyễn Thị H](#), tuy nhiên do không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho [Nguyễn Thị H](#).

Phần dân sự: Bị cáo [Nguyễn Thị H](#) đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho [Công ty TNHH MTV C](#) số tiền 4.856.100.000 đồng. [Công ty TNHH MTV C](#) yêu cầu [Nguyễn Thị H](#) trả số tiền lãi phát sinh là 405.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSLĐ – P1 ngày 24/10/2025, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo [Nguyễn Thị H](#) về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 30/2025/HS-ST ngày 10-12-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng quyết định: Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Thị H](#) phạm tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 51; của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị H](#) 15 (mười lăm) năm tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 03/07/2025

Ngày 31/12/2025, bị cáo [Nguyễn Thị H](#) kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo hướng xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, trình bày quan điểm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân xét thấy, căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định bị cáo [Nguyễn Thị H](#) đã lợi dụng việc nhận tiền, nhận xăng dầu của [Công ty C](#) để gửi giữ, sau đó tự ý bán toàn bộ số xăng dầu, sử dụng tiền vào mục đích riêng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã trả toàn bộ nợ gốc cho bị hại; phía bị hại có đơn xin bãi nại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo cũng đã khắc phục một phần tiền lãi, cụ thể là 40.000.000 đồng tiền lãi nên có căn cứ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nhận định như sau:

[1]. Về tội danh:

Năm 2008, [Hò Văn S](#) – Giám đốc và [Nguyễn Tiến L](#) – Kế toán trưởng [Công ty C](#) thống nhất sử dụng vốn của Công ty để đầu tư mua xăng dầu, ký gửi chờ giá tăng nhằm thu lợi nhuận. Theo đó, hai bên đã ký hợp đồng số 01/2008/HĐMB-XD với [Doanh nghiệp tư nhân H3](#) do [Nguyễn Thị H](#) làm chủ, mua 155.000 lít xăng A92 và 297.079 lít dầu [D1](#) với tổng số tiền gần 5 tỷ đồng. Sau khi nhận đủ tiền, [Nguyễn Thị H](#) xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty, thể hiện khối lượng 158.000 lít xăng A92 và 279.000 lít dầu Diezen với tổng giá trị 4.856.100.000 đồng. Tuy nhiên, số hàng này không được đưa về Công ty mà tiếp tục được gửi tại kho của [H3](#). Ngày 16/02/2008, các bên lập biên bản thanh lý hợp đồng, xác định [H](#) phải hoàn trả số tiền chênh lệch 143.899.999 đồng.

Trong quá trình thực hiện, do kinh doanh thua lỗ và thiếu hụt tài chính, [Nguyễn Thị H](#) đã lợi dụng việc [Công ty C](#) buông lỏng quản lý, không kiểm tra thực tế để tự ý bán dần toàn bộ số xăng dầu đã nhận. Để che giấu hành vi, [H](#) cùng [S](#) và [L](#) thỏa thuận hợp thức hóa bằng việc ký các hợp đồng bán xăng dầu cho [V1](#). Cụ thể,

vào các ngày 20/02/2008 và 28/02/2008, S và L ký hợp đồng cho phép bán 41.721 lít xăng A92 và 279.000 lít dầu Diezen với tổng giá trị 3.893.047.180 đồng, đồng thời tiếp tục gửi giữ 116.279 lít xăng A92 còn lại tại kho. Tuy nhiên, toàn bộ số xăng còn lại này cũng bị Nguyễn Thị H tự ý bán hết mà không được sự chấp thuận của Công ty.

Hành vi trên đã dẫn đến việc Nguyễn Thị H chiếm đoạt của Công ty C tổng số lượng 158.000 lít xăng A92 và 279.000 lít dầu D, tương ứng số tiền 4.856.100.000 đồng.

Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 10-12-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 đã kết án Nguyễn Thị H phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã chủ động khắc phục hậu quả với các bị hại. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: Đơn xin bãi nại về việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đồng thời bị cáo đã khắc phục thêm được 40.000.000 đồng trong tổng số 405.868.000 đồng tiền lãi, là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. HĐXX xét thấy mặc dù tính chất vụ án do bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, tuy nhiên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo 15 năm tù là có phần nghiêm khắc. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa là phù hợp, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã trả thêm cho bị hại số tiền 40.000.000đ, tại phiên tòa bị cáo đồng ý sẽ trả số tiền lãi còn lại, nên cần buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả cho Công ty TNHH MTV C số tiền lãi còn lại là 365.868.000 đồng (*ba trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

[5]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Thị H](#), sửa Bản án sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 10-12-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Thị H](#) phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị H](#) 12 (*mười hai*) năm tù, thời hạn chấp hành án tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 03/7/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo [Nguyễn Thị H](#) phải trả cho [Công ty TNHH MTV C](#) số tiền lãi còn lại là 365.868.000 đồng (*ba trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận ngày 27/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh L](#) đã ban hành quyết định xử lý vật chứng số: E1066/QĐ-CSĐT, trả lại 03 (ba) điện thoại di động cho [Nguyễn Thị H](#) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

5. Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị H](#) phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 18.293.000đ (*mười tám triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo [Nguyễn Thị H](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Lâm Đồng;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 7, tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7, tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo; NTGTTK;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hà Ngân